

PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA BỒ-TÁT TẠNG CHÁNH PHÁP KINH

QUYỂN 14

Phẩm 4: NHƯ LAI CHẴNG THỂ NGHĨ BÀN (Phần 8)

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Sao gọi là tâm đại Bi chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai, các Bồ-tát trụ tín nghe nói pháp này rồi, thì nên sinh lòng tin thanh tịnh, vượt lên sự phân biệt, lia mọi nghi hoặc, cho đến sinh ý tưởng hy hữu?

Này Xá-lợi Tử! Tâm đại Bi của Như Lai là không bỏ tất cả chúng sinh, thường hành bi mẫn là vì thành thực, do chuyển hóa với tâm đại Bi cho nên không chỗ nào là không chuyển. Vì thế nên biết, tâm đại Bi của Như Lai không có hạn lượng, chẳng thể nghĩ bàn, không thể so sánh, cũng không có số lượng, không thể nói hết, thật là thậm thâm, như vậy ngữ nghiệp không thể tuyên nói. Vì sao? Vì tùy theo sở chứng của Như Lai nên Bồ-đề cũng vậy. Như vậy khởi tâm đại Bi là vì các chúng sinh, tùy theo Bồ-đề như vậy nên đại Bi cũng như vậy.

Này Xá-lợi Tử! Sao gọi là Như Lai chứng đắc Bồ-đề? Vì Như Lai không có căn bản, không có chỗ trụ, cho nên mới chứng Bồ-đề.

Sao gọi là căn bản? Sao gọi là trụ? Nghĩa là, có thân kiến làm căn bản, nương vào phân biệt hư vọng mà trụ. Do Bồ-đề của Như Lai bình đẳng cho nên hiểu biết bình đẳng, cả hai pháp cũng đều bình đẳng. Đây gọi là không trụ, không căn bản. Nhờ đó mà Như Lai hiện thành Chánh đẳng Bồ-đề. Nhưng các chúng sinh đối với pháp không trụ, không căn bản đó không thể biết được. Vì muốn khiến tất cả chúng sinh biết rõ, cho nên Như Lai mới chuyển tâm đại Bi.

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Bồ-đề là tịch tĩnh cận tịch, do vậy nên ta thành Chánh giác.

Sao gọi là tịch tĩnh? Sao gọi là cận tịch? Bên trong gọi là tịch tĩnh, bên ngoài gọi là cận tịch. Vì sao? Vì mất vốn Không, cho nên ngã và ngã sở đều không có tự tánh. Đây gọi là tịch tĩnh. Như vậy, vì tai, mũi, lưỡi, thân, ý vốn Không, nên ngã và ngã sở đều không có tự tánh. Đây gọi là cận tịch. Biết mất vốn Không rồi, nên sắc không sở thủ. Đây gọi là tịch tĩnh. Cho đến biết ý vốn Không rồi, thì pháp không sở thủ. Đây gọi là cận tịch. Nhưng các chúng sinh đối với pháp Bồ-đề tịch tĩnh này không thể hiểu nổi. Vì muốn tất cả chúng sinh đều giác ngộ, nên Như Lai mới chuyển tâm đại Bi.

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Bồ-đề là tự tánh xán lạn, do vậy cho nên ta thành chánh giác.

Sao gọi là tự tánh xán lạn? Nghĩa là tự tánh không bị nhiễm, ngang bằng với hư không, tự tánh của hư không trải khắp tất cả. Vì hư không bình đẳng, cho nên tất cả pháp bình đẳng, tự tánh sáng suốt như vậy, tánh sáng suốt này tùy theo sở ứng mà biết rõ. Các kẻ ngu dị sinh do bị khách trần phiền não làm nhiễm, cho nên không biết được pháp tự tánh sáng suốt. Vì muốn tất cả chúng sinh giác ngộ, cho nên Như Lai chuyển tâm đại Bi.

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Bồ-đề là không ra không vào, do vậy nên ta thành Chánh

giác.

Sao gọi là không ra? Là vì vô tướng cho nên không ra. Lại không ra là vì tất cả pháp không xả.

Không vào là không dính mắc tất cả pháp. Như Lai đối với pháp không ra không vào này quán chiếu bình đẳng. Như Lai không thử không bĩ, tất cả pháp lia bĩ thử. Vì thế Như Lai hiện thành Chánh giác. Các chúng sinh không thể hiểu nổi pháp không ra không vào này. Vì muốn khiến tất cả chúng sinh đều giác ngộ, nên Như Lai chuyển tâm đại Bi.

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Bồ-đề là không tướng, không sở duyên, do vậy nên ta thành Chánh giác.

Sao gọi là không tướng? Sao gọi là không sở duyên? Nghĩa là, nhãn thức không sở đắc, đó là không tướng. Sắc không sở quán, đó là không sở duyên. Cho đến ý thức không sở đắc, tức là vô tướng. Pháp không sở quán, tức là không sở duyên.

Này Xá-lợi Tử! Pháp không tướng, không sở duyên này là cảnh giới của bậc Thánh.

Sao gọi là cảnh giới của bậc Thánh? Ba cõi là cảnh giới của bậc Thánh. Các cảnh giới của bậc Thánh tức là không phải cảnh giới. Kẻ ngu dị sinh không thể hiểu nổi. Vì muốn tất cả chúng sinh đều giác ngộ, nên Như Lai chuyển tâm đại Bi.

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Bồ-đề không phải là quá khứ, vị lai, hiện tại; ba đời bình đẳng, ba luân thanh tịnh, do vậy nên ta thành Chánh giác.

Sao gọi là ba luân thanh tịnh? Nghĩa là, tâm quá khứ không chuyển, thức vị lai không hay biết, ý hiện tại không lay động. Nhưng tâm, ý và thức đều không chỗ trụ; quá khứ không phân biệt, vị lai không lãnh nạp, hiện tại không hý luận. Các chúng sinh không thể hiểu nổi ba pháp bình đẳng, ba luân thanh tịnh này. Vì muốn tất cả chúng sinh giác ngộ, cho nên Đức Như Lai chuyển tâm đại Bi.

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Bồ-đề là vô vi, do vậy nên ta thành Chánh giác. Có nghĩa là không phải nhãn thức sở tri, cho đến cũng không phải ý thức sở tri, nên gọi là vô vi. Vô vi tức là không, nhưng đối với pháp hữu vi cũng đều hiểu rõ. Vì sao? Vì tự tánh tất cả pháp là không tánh, không tánh tức là không hai. Pháp vô vi không phải là thân chứng, các chúng sinh không thể hiểu nổi. Vì muốn tất cả chúng sinh giác ngộ, nên Như Lai chuyển tâm đại Bi.

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Bồ-đề là câu không sai biệt, do vậy nên ta thành Chánh giác.

Sao gọi là không sai biệt? Sao lại gọi là câu? Như sở thuyết gọi là câu, không trụ gọi là không sai biệt; pháp giới gọi là câu, không chủng chủng tánh gọi là không sai biệt; thật tế gọi là câu, tánh không động gọi là không sai biệt; không gọi là câu, không sở đắc gọi là không sai biệt; vô tướng gọi là câu, không tầm từ gọi là không sai biệt; vô nguyện gọi là câu, không phần vị gọi là không sai biệt; không chúng sinh gọi là câu, chúng sinh không tự tánh gọi là không sai biệt; hư không gọi là câu, không sở đắc gọi là không sai biệt; không sinh gọi là câu, không diệt gọi là không sai biệt; vô vi gọi là câu, không sở hành gọi là không sai biệt; Bồ-đề gọi là câu, cận tịch gọi là không sai biệt; Niết-bàn gọi là câu, không sở chuyển gọi là không sai biệt.

Này Xá-lợi Tử! Các pháp này các chúng sinh không thể hiểu nổi. Vì muốn tất cả chúng sinh giác ngộ, nên Như Lai mới chuyển tâm đại Bi.

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Bồ-đề không thể đem thân tâm để chứng. Vì sao? Vì thân

này là vô tri, vô tác, vô chuyển, như cỏ, cây, ngói, đá. Tâm này như huyền hóa, như bóng trăng in nước, như bóng nắng, cần nên biết rõ như vậy. Nếu thân tâm như vậy thì là Bồ-đề. Nói như thế là tùy theo sở hành của thế tục, chứ Bồ-đề không có một pháp nhỏ nào để nói. Hoặc thân, hoặc tâm, hoặc pháp, hoặc phi pháp, hoặc chân thật, hoặc không chân thật, hoặc thành thật, hoặc hư vọng đều không ngôn thuyết. Vì sao? Vì Bồ-đề không ngôn thuyết, tất cả pháp ấy cũng không có phần vị để dung chứa ngôn thuyết. Cũng như hư không thật không có phần vị, không ngôn thuyết, Bồ-đề cũng vậy, không có phần vị, cũng không có ngôn thuyết.

Này Xá-lợi Tử! Nếu quán sát điều đó như thật thì tất cả pháp vốn không có ngôn thuyết. Pháp không có ngôn thuyết cũng không phải không thuyết, các chúng sinh không thể hiểu nổi lý của các pháp này. Vì muốn tất cả chúng sinh giác ngộ, nên Như Lai mới chuyển tâm đại Bi.

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Bồ-đề không dính mắc cũng không hàm tàng.

Sao gọi là không dính mắc? Sao gọi là không hàm tàng? Nghĩa là, do biết nhân cho nên gọi là không dính mắc. Sắc không sở quán nên gọi là không hàm tàng. Cho đến biết rõ ý thì gọi là không dính mắc. Pháp không sở đắc gọi là không hàm tàng.

Này Xá-lợi Tử! Do Như Lai không dính mắc, không hàm tàng, cho nên hiện thành Chánh giác.

Lại nữa, nhãn không dính mắc, sắc không hàm tàng, thức không chỗ trụ. Cho đến ý không dính mắc, pháp không hàm tàng, thức không chỗ trụ. Thức không trụ kia không trụ vào tâm của tất cả chúng sinh. Đây sao gọi là biết? Vì có bốn pháp trụ vào tâm của chúng sinh. Những gì là bốn? Là trụ vào sắc, thọ, tưởng, hành thức của tất cả chúng sinh. Bốn pháp này trụ vào tâm chúng sinh, nhưng chỗ trụ ấy cũng không trụ. Như Lai biết rõ tận gốc chân thật của pháp không trụ ấy, nhưng các chúng sinh lại không hiểu nổi. Vì muốn tất cả chúng sinh giác ngộ, nên Như Lai mới chuyển tâm đại Bi.

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Bồ-đề là không khái niệm. Do Không ấy cho nên Bồ-đề cũng Không, các pháp cũng Không. Vì các pháp Không ấy, cho nên Như Lai hiện thành Chánh giác, cũng không phải Không, không có sở chứng, hoặc Không, hoặc Bồ-đề đồng một lý trí không có hai. Vì Không và Bồ-đề vốn không hai cho nên pháp không có chủng loại. Do các pháp không hai, không có chủng loại, cho nên không có danh, không có tướng, không hành, rốt ráo không hành không có trong pháp tập. Đây gọi là Không. Trong đó lìa chấp trước kiến thủ, nhưng trong Thắng nghĩa để không có một pháp nhỏ nào có thể được. Vì lý do đó cho nên gọi là Không. Nói cái Không này cũng như Không, vậy cái Không này muốn nhấn mạnh là Không, cũng không có ngôn ngữ để nói là Không, cái không đó cũng Không có ngôn ngữ để nói. Đối với cái Không ấy, nếu có người hiểu thì tất cả pháp ấy chỉ là mượn danh tự để đặt ra. Nhưng danh tự ấy không tại địa phương, mà cũng không rời địa phương, như mượn danh tự ấy không tại địa phương mà cũng không lìa địa phương. Do vậy các pháp đều mượn danh mà có ra. Tất cả các pháp cũng vậy, không tại địa phương, cũng không lìa địa phương. Như Lai biết rõ như thật, xưa nay như vậy, không sinh, không khởi, biết như thật rồi, tự tánh giải thoát, không trói, không mở, nhưng kẻ ngu dị sinh không thể hiểu nổi pháp này. Vì muốn tất cả chúng sinh giác ngộ, nên Như Lai mới chuyển tâm đại Bi.

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Bồ-đề như hư không nhưng đều bình đẳng, không cao, không thấp. Nếu ai biết các pháp rốt ráo đều Không thì cũng có thể nói không cao không thấp.

Này Xá-lợi Tử! Vì tất cả các pháp không cao không thấp, nên Như Lai hiện thành Chánh giác. Tuy có thành nhưng không có một pháp nhỏ vi trần nào hoặc cao, hoặc thấp mà có thể thi tác, trí như thật biết được các pháp không có bỉ thử.

Sao gọi là trí như thật? Nghĩa là không có pháp căn bản, tuy là có sở sinh, nhưng không nhiếp thọ, cũng không chủ thể. Do không chủ thể, không nhiếp thọ, hoặc sinh, không sinh, tùy duyên mà chuyển. Nhưng ở trong đó không có pháp có thể chuyển, cũng không phải không chuyển. Như Lai đối với pháp này cũng không nói tướng đoạn diệt, các chúng sinh lại không thể hiểu nổi pháp đoạn diệt này. Vì muốn tất cả chúng sinh đều giác ngộ, nên Như Lai mới chuyển tâm đại Bi.

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Bồ-đề là như sở thuyết cú. Sao gọi là như sở thuyết cú? Như Bồ-đề ấy, sắc pháp cũng vậy, nhưng không lìa chân như. Như Bồ-đề ấy, thọ, tưởng, hành, thức cũng thế, cũng không lìa chân như. Như Bồ-đề ấy, địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới cũng thế, cũng không lìa chân như. Như Bồ-đề ấy, nhãn giới, sắc giới, thức giới, cho đến ý giới, pháp giới, ý thức giới cũng vậy, không lìa chân như. Do vậy mà có ra các pháp môn của bậc Thánh như uẩn, xứ, giới... Vì pháp như thật, cho nên Như Lai hiện chứng Bồ-đề. Vì pháp không điên đảo nên hiện chứng Bồ-đề. Như trước đã nói, sau cũng như vậy, tiền tế không sinh, hậu tế không đến, trung tế lìa tánh. Như vậy, như sở thuyết cú. Như nói một pháp, nhiều pháp cũng vậy; như nói nhiều pháp, một pháp cũng thế. Như đã nói hoặc một hoặc nhiều đều không sở đắc, nhưng các chúng sinh lại không thể hiểu nổi như sở thuyết cú. Vì muốn tất cả chúng sinh giác ngộ, nên Như Lai mới chuyển tâm đại Bi.

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Bồ-đề là nhập tướng, nhập vô tướng.

Sao gọi là tướng? Sao gọi là vô tướng? Đây nói tướng tức là sinh khởi tất cả thiện pháp. Vô tướng nghĩa là tất cả pháp đều không sở đắc.

Lại nữa, tướng là tâm vô sở trụ phần vi; vô tướng là pháp vô tướng Tam-ma-địa.

Lại nữa, tướng tức là suy nghĩ, so lường, tính đếm, tìm xét; vô tướng là vượt qua xưng lường.

Sao gọi là vượt qua xưng lường? Nghĩa là thức nghiệp là không.

Lại nữa, tướng là tìm xét hữu vi; vô tướng tức là tác chứng vô vi. Tướng này là pháp vô tướng, kẻ ngu dị sinh không thể hiểu nổi, cũng không thể biết. Vì muốn tất cả chúng sinh giác ngộ, nên Như Lai chuyển tâm đại Bi.

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Bồ-đề là vô lậu, vô thủ.

Sao gọi là vô lậu? Sao gọi là vô thủ? Vô lậu là lìa bốn pháp lậu. Một là lìa dục lậu; hai là lìa hữu lậu; ba là lìa vô minh lậu; bốn là lìa kiến lậu.

Vô thủ là lìa bốn thủ. Một là lìa dục thủ; hai là lìa ngã ngữ thủ; ba là lìa kiến thủ; bốn là lìa giới cấm thủ. Bốn thủ này, tất cả đều do vô minh che lấp, nước ái tưới tưới tốt pháp ngã kiến chấp thủ uẩn, xứ, giới. Như Lai đều biết rõ ngã ngữ thủ ấy là căn bản, được ngã thanh tịnh rồi, tất cả chúng sinh đều được thanh tịnh. Pháp thanh tịnh ấy không có phân biệt một pháp nhỏ nào. Nếu không phân biệt tức là tác ý kiên cố sâu xa. Nếu tác ý kiên cố tương ưng thì vô minh không thể khởi lên; do vô minh không khởi, cho nên mười hai chi hữu cũng không khởi. Như vậy tức là vô sinh, tức là quyết định. Nếu quyết định tức là nghĩa điều phục. Đó chính là Thắng nghĩa. Trong Thắng nghĩa đế không có Bồ-đặc-già-la. Nếu không có Bồ-đặc-già-la, thì nghĩa không thể nói. Nếu nghĩa không thể nói thì là nghĩa duyên sinh. Nếu là nghĩa duyên sinh thì là nghĩa chánh pháp. Nếu là nghĩa chánh pháp thì là nghĩa Như Lai. Do vậy nên quán các pháp đều từ duyên sinh.

Nếu có thể thấy pháp thì là thấy Như Lai, như những gì đã thấy, thì phải như thật suy xét, rốt cuộc không có một pháp nhỏ nào để thấy. Nếu không có pháp để thấy thì là thấy vô tướng và vô sở duyên, nếu thấy như vậy tức là thấy chân thật. Do pháp này nên Như Lai hiện thành Chánh giác, vì bình đẳng cho nên bình đẳng, kẻ ngu dị sinh không thể hiểu nổi pháp vô lậu vô thủ này. Vì muốn tất cả chúng sinh giác ngộ, nên Như Lai mới chuyển tâm đại Bi.

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Bồ-đề vốn thanh tịnh, không nhớ, không nhiễm trước.

Sao gọi là thanh tịnh? Sao gọi là không nhớ? Sao gọi là không nhiễm trước? Có nghĩa là, Không là thanh tịnh, vô tướng là không nhớ, vô nguyện là không nhiễm trước. Vô sinh là thanh tịnh, vô tác là không nhớ, vô khởi là không nhiễm trước. Tự tánh là thanh tịnh, viên tịnh là không nhớ, sáng suốt là không nhiễm trước. Không hý luận là thanh tịnh, lìa hý luận là không nhớ, hý luận cận tịch là không nhiễm trước. Chân như là thanh tịnh, pháp giới là không nhớ, thật tế là không nhiễm trước. Hư không là thanh tịnh, thân thanh là không nhớ, rộng lớn là không nhiễm trước. Biết bên trong là thanh tịnh, bên ngoài không sở hành là không nhớ; trong và ngoài không sở đắc là không nhiễm trước. Biết uẩn là thanh tịnh, tự tánh giới là không nhớ, xứ lìa các nghiệp là không nhiễm trước. Quá khứ tận trí là thanh tịnh, vị lai vô sinh trí là không nhớ, hiện tại pháp giới an trụ trí là không nhiễm trước.

Này Xá-lợi Tử! Thanh tịnh, không nhớ, không nhiễm trước này có một pháp có khả năng nhiếp tất cả, pháp đó là tịch tĩnh câu. Nếu tịch tĩnh thì là biến tịch. Nếu biến tịch thì là cận tịch. Nếu cận tịch thì là không tịch. Đây chính là điều Mâu-ni Thánh Tôn đã nói.

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Như hư không, Bồ-đề cũng vậy; như Bồ-đề các pháp cũng thế; như các pháp, chúng sinh cũng vậy, sát độ cũng vậy, Niết-bàn cũng vậy. Đây gọi là Niết-bàn bình đẳng, là chánh nhân của tất cả pháp, biên tế rốt ráo thanh tịnh, không có đối trị, lìa nhân đối trị, xưa nay thanh tịnh, xưa nay không nhớ, xưa nay không nhiễm trước. Vì biết tất cả pháp hoặc sắc, vô sắc vốn như vậy, nên Như Lai hiện thành Chánh giác, quán các chúng sinh giới thanh tịnh, không nhớ, không nhiễm trước, liền khởi thần thông du hý, chuyển tâm đại Bi đối với chúng sinh.

Xá-lợi Tử nên biết! Tâm đại Bi của Như Lai thanh tịnh, không dơ, không nhiễm trước thường vận hành đối với chúng sinh, nhưng lại không chấp trước, không sinh khởi, không quán sát, khắp cả mười phương, tất cả thế giới, thân thanh vô ngại.

Này Xá-lợi Tử! Đại Bi của Như Lai vô biên vô tận, ngang bằng với hư không. Nếu ai biết cái cùng tận của hư không thì là biết cùng tận đại Bi chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai. Các Bồ-tát trụ tin nghe tâm đại Bi chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai rồi nên sinh lòng tin thanh tịnh, vượt lên sự phân biệt, lìa mọi nghi hoặc, cho đến sinh ý tưởng hy hữu.

Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn làm sáng tỏ nghĩa trên, liền nói kệ rằng:

*Vì không căn bản không trụ pháp
Hiện chứng Bồ-đề Phật đã nói
Như đã biết rõ cũng như vậy
Vì các chúng sinh tuyên chỉ dạy
Biết nội nhân căn gọi là Không
Biết ngoại sắc pháp Không cũng vậy
Tịch tĩnh cận tịch diệu pháp môn*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Phật chứng Bồ-đề nói như vậy
Các chúng sinh ấy không hiểu biết
Tỳ-bát-xá-na, Xa-ma-tha
Khai giác cú nghĩa vì chúng sinh
Tâm Phật đại Bi phương tiện chuyển
Tự tánh các pháp vốn sáng suốt
Bồ-đề thanh tịnh bằng hư không
Do các chúng sinh không biết rõ
Tâm Phật đại Bi phương tiện chuyển
Tất cả chúng sinh nhiều chấp thủ
Không thể tương ứng với như lý
Không vào, không ra môn diệu pháp
Phật chứng Bồ-đề nói như vậy
Do các chúng sinh không hiểu biết
Như Lai mới khởi tâm đại Bi
Các pháp không tướng, không sở duyên
Đây là cảnh giới của các Thánh
Không phải cảnh giới của kẻ ngu
Phật chứng Bồ-đề phương tiện nói
Nhưng các dị sinh không hiểu biết
Muốn chúng giác ngộ Phật nói ra
Như Lai vì các chúng sinh đó
Tùy theo trình độ khởi đại Bi
Tự tánh vô vi pháp vi diệu
Xưa nay không sinh cũng không diệt
Nên biết pháp ấy không chỗ trụ
Trong đó tương ứng với ba tướng
Nhưng các kẻ ngu không hiểu biết
Về tự tánh các pháp hữu vi
Tùy theo trình độ khởi đại Bi
Khiến chúng sinh rõ lý pháp này
Bồ-đề không phải thân giác tri
Không phải tâm giác cũng như vậy
Tự tánh của thân vốn không biết
Tâm như pháp huyễn cũng như vậy
Nhưng kẻ ngu si không thể biết
Tự tánh thân tâm là như vậy
Tùy sự thích ứng khởi đại Bi
Khiến chúng sinh biết lý pháp này
Phật chứng Bồ-đề thật tối thắng
Bậc trí tự nhiên ngồi Bồ-đề
Ngồi rồi quán khắp chúng sinh giới
Tất cả quay tròn trong nẻo ác
Thấy vậy Phật sinh tâm thương xót
Trong vòng sinh tử chuyển đại Bi

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Chấp trước vào các pháp kiêu mạn
Lưới khổ trời buộc chấp là vui
Vô thường, bất tịnh, ngã, chúng sinh
Điên đảo chấp vào các thứ ấy
Phật thấy vậy rồi sinh thương xót
Đối kẻ chấp trước chuyển đại Bi
Si mê bao phủ cả ba cõi
Tối tăm không được ánh sáng chiếu
Như mặt trời sáng bị mây che
Trí sáng vô cấu đều che khuất
Phật thấy vậy sinh tâm thương xót
Trong vòng sinh tử chuyển đại Bi
Tham ái nên sinh các nẻo ác
Phá hoại chánh đạo bị tàn hại
Địa ngục, bàng sinh cùng ngạ quỷ
Chúng sinh tạo nghiệp nên đọa lạc
Như trước Phật nói các chánh đạo
Khai sáng chỉ bày các chúng sinh
Thấy vậy Phật sinh tâm thương xót
Trong vòng sinh tử chuyển đại Bi
Biết rõ các pháp tánh như thật
Bỗng nhiên chiếu sáng bằng hư không
Như Phật đã nói các thế gian
Không biết pháp thanh tịnh tối thượng.*

Này Xá-lợi Tử! Như vậy là ta đã nói pháp đại Bi chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai. Các Bồ-tát trụ tín nghe pháp này rồi, nên sinh lòng tin thanh tịnh, vượt lên sự phân biệt, lìa mọi nghi hoặc, sau lại biểu hiện thân tướng vui, tâm vui và phát sinh ý tưởng hy hữu.

